

DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG TRÊN ĐỊA BÀN
XÃ BA ĐỘNG NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 10/10/2025 của UBND xã Ba Động)

Số TT	Tên tuyến đường, đoạn đường hỗ trợ xi măng năm 2025	Số tuyến đường GTNT-MN	Chiều dài (m)	Cấp đường thực hiện	Khối lượng xi măng (tấn)	Ghi chú
Xã Ba Động : 41 tuyến/ 2.136,5 m		41	2.136,5		267,5	
1	Tuyến từ đường QL24 đi nhà ông Hương B – ông Trời		55,0	D	4,40	thôn Hương Chiên
2	Tuyến từ đường QL24 đi nhà ông Viêt – ông Cảnh		35,0	D	2,80	
3	Tuyến từ đường QL24 đi nhà ông Rết – bà Lê		25,0	D	2,00	
4	Tuyến từ đường QL24 đi nhà bà Nít – bà Đồi		30,0	D	2,40	
5	Tuyến từ đường QL24 đi nhà Bà Rồi – Bà Kha - Bà Khanh		60,0	D	4,80	thôn Đá Chát
6	Tuyến từ đường Bê tông đi nhà ông Đêm – nhà Bà Xuôi		25,0	D	2,00	
7	Tuyến từ đường Bê tông đi nhà ông Doi, nhà Bà Bốn		35,0	D	2,80	
8	BTXM tuyến đường đi Nghĩa địa Số 17 thôn Hóc Kè		180,0	A	33,01	thôn Hóc Kè
9	BTXM tuyến đường đi xứ đồng Rộc quan II thuộc thôn Hóc Kè		90,0	A	14,15	
10	BTXM tuyến đường đi xứ đồng ông Thổ đi Rộc Bầu thuộc thôn Hóc Kè		150,0	A	27,51	
11	BTXM Tuyến đường Quốc lộ 24 đi nhà ông Xuyên		25,0	D	2,00	
12	Tuyến từ ngã ba đi nhà ông Trần Hưng Đạo		60,0	B	9,43	Thôn Trường An
13	Tuyến từ thôn Huy Ba 1 đến nghĩa địa thôn Tân Long		150,0	B	27,66	Thôn Tân Long
14	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ đường Bê Tông đến nhà ông Lô) thôn Làng Teng: dài 63 m, rộng 2,5m.		62,0	C	6,20	thôn Làng Teng
15	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ đường Bê Tông đến nhà ông Thu) thôn Làng Teng: dài 49 m, rộng 3m.		50,0	C	5,00	
16	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ nhà bà Chân đến nhà ông Hối) thôn Làng Teng: dài 52m, rộng 2,5m.		52,0	C	5,20	
17	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ nhà ông Bút đến nhà ông Lâm) thôn Làng Teng: dài 108m, rộng 3m.		137,0	B	21,54	
18	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ nhà ông Hào đến nhà ông Miêu) thôn Làng Teng: dài 39m, rộng 2,5m.		39,0	C	3,90	
19	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ tập hóa Sỹ Hường đến nhà ông Mui) thôn Làng Teng: dài 25m, rộng 2m.		25,0	D	2,00	
20	Tuyến đường Trục giao thông chính tổ Đèo Lâm (Từ nhà bà Á đến nhà bà Thiết) thôn Làng Teng: dài 24m, rộng 2m.		24,0	D	1,92	
21	Tuyến đường UBND xã đi Gò Rạch (Từ nhà ông Vong đến nhà ông Nhộc) thôn Làng Teng: dài 41m, rộng 2,5m.		41,0	C	4,10	
22	Tuyến đường từ QL24 đi UBND xã (Từ nhà ông Đá đến nhà ông Đên) thôn Làng Teng: dài 31m, rộng 2,5m.		31,0	C	3,10	
23	Tuyến đường BTXM từ nhà Ông Nếp đi nhà ông Xê (Thôn Làng Teng)		25,0	D	2,00	

24	Tuyến đường BTXM đi nhà ông Thường		25,0	D	2,00	
25	Tuyến đường Bê Tông Chính đi Mộ Lâm (Từ nhà ông Hê đến nhà ông Xanh) thôn Trường An: dài 35m, rộng 2m.		35,0	D	2,80	
26	Tuyến đường Bê Tông Chính đi Mộ Lâm (Từ nhà ông Sang đến lên dốc đường vào nhà ông Ni) thôn Trường An: dài 160m, rộng 3 m.		160,0	C	25,15	
27	Tuyến đường Bê Tông Chính đi Nhà văn hóa (Từ nhà ông Tít đến nhà ông Thành) thôn Trường An: dài 28m, rộng 2,5m.		30,0	B	4,72	
28	Tuyến đường Bê Tông Chính đi Mộ Lâm (Nối tiếp từ nhà ông Hạ đến nhà ông Bôi) thôn Trường An: dài 20m, rộng 2,5m.		20,0	C	2,00	
29	Tuyến đường Bê Tông Chính đi Nhà văn hóa (Từ nhà bà Vinh đến nhà bà Ngồng) thôn Trường An: dài 14m, rộng 2,5m.		15,0	C	1,50	
30	Tuyến đường BTXM đi tổ Hóc Kè (Từ nhà bà KLệu đến nhà ông Gầm) thôn Trường An: dài 23m, rộng 2,5m.		22,5	C	2,25	
31	Tuyến đường BTXM đi lên nhà văn hóa đến nhà ông Vế		40,0	C	4,00	
32	Tuyến đường BTXM đi nhà ông Thành đến nhà ông Đoi		28,0	C	2,80	
33	Tuyến đường Bê Tông Chính đi Mộ Lâm đến nhà ông Chiến thôn Trường An: dài 30m, rộng 2,5m.		30,0	C	3,00	
34	tuyến đườngTừ nhà bà Den đến nhà ông Đui		13,0	C	1,30	
35	Tuyến đường từ ngã ba đi nhà Ông Cảnh		15,0	C	1,50	
36	Tuyến đường BTXM từ Tuyến Suối Ôn đi Bể nước sạch (Từ nhà bà Rũ đến nhà ông Lộc) thôn Huy Ba 1: dài 38m, rộng 2m.		38,0	D	3,04	
37	Tuyến đường BTXM từ Tuyến Suối Ôn đi Bể nước sạch (Từ nhà ông Sơn đến nhà bà My) thôn Huy Ba 1: dài 61m, rộng 2m.		61,0	D	4,88	
38	Tuyến đường BTXM Suối Ôn đi nhà ông Sếp (Từ nhà bà Hường đến nhà ông Cường) thôn Huy Ba 1: dài 63m, rộng 2m.		63,0	D	5,04	
39	Tuyến đường BTXM Suối Ôn đi nhà ông Sếp (Từ đường Bê tong đến nhà ông Biều) thôn Huy Ba 1: dài 29m, rộng 2,5m.		39,0	C	3,90	
40	Tuyến đường BTXM Suối Ôn đi nhà ông Sếp (Từ đường nhà ông De đến nhà ông Siêu) thôn Huy Ba 1: dài 38m, rộng 2m.		38,0	D	3,04	
41	Tuyến đường Hành Tín Tây đi Ba Chùa (từ đường Bê tông đến nhà ông Sơn) thôn Huy Ba 2: dài 58m, rộng 2m		58,0	D	4,64	Thôn Huy Ba 2

Thôn Trường An 2

Thôn Huy Ba 1

Ghi chú:

1. Cấp đường thực hiện: A, B, C, D; trong đó:

- Cấp A hoặc cấp B: áp dụng đối với đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện, đường trục thôn, bản, ấp và đường liên
- Cấp C hoặc cấp D: áp dụng đối với đường ngõ, xóm và đường trục chính nội đồng.

2. Khối lượng xi măng:

- Đường loại A (mặt đường rộng 3,5m; dày 18cm; Mác 250, đá 2x4): 183,4 tấn xi măng/1Km.
- Đường loại B (mặt đường rộng 3,0m; dày 18cm; Mác 250, đá 2x4): 157,2 tấn xi măng/1Km.

- Đường loại C (mặt đường rộng 2,0m; dày 16cm; Mác 200, đá 2x4): 80 tấn xi măng/1Km.
- Đường loại D (mặt đường rộng 2,0m; dày 16cm; Mác 200, đá 2x4): 80 tấn xi măng/1Km.

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH NĂM 2025 THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỖ TRỢ XI MĂNG
ĐỂ XÂY DỰNG ĐƯỜNG GTNT - MN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BA ĐỘNG
(Kèm theo Tờ trình số: 44/Tr-UBND ngày 10/10/2025 của UBND xã Ba Động)

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	CHI PHÍ VẬT LIỆU (VL)				1.021.080.704	
1	Xi măng	Tấn	267,50	1.534.129	410.379.508	
2	Đá dăm	m ³	967,5	341.887	330.771.023	
3	Cát	m ³	539,2	231.175	124.649.560	
4	Ván khuôn	m ³	18,2	5.454.000	99.050.094	
5	Gỗ làm khe co giãn	m ³	4,4	5.454.000	23.888.520	
6	Bạt lót bê tông	m ²	6468,4	5.000	32.342.000	
B	CHI PHÍ MÁY THI CÔNG (MTC)				79.496.286	
1	Máy trộn bê tông 250 lít	ca	115,0	278.351	32.003.428	
2	Máy đầm dùi 1,5KW	ca	102,2	234.329	23.945.026	
3	Máy đầm bàn	ca	102,2	230.442	23.547.831	
C	CHI PHÍ NHÂN CÔNG (NC)				423.592.258	
1	Nhân công đổ bê tông	công	1912,2	200.449	383.302.009	
2	Nhân công đào, đắp nền đường	công	201,0	200.449	40.290.249	
D	NỘI DUNG KHÁC (NẾU CÓ)					
TỔNG CỘNG:					1.524.169.248	
<i>(Bảng chữ: Một tỷ, năm trăm hai mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng)</i>						

* Chi tiết cụ thể như phụ lục đính kèm

Người lập

CHỦ TỊCH